

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS – ST

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Cao Phương;

Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Phùng Thị T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

- *Bị đơn:* **Anh Xa Văn R**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Thị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Anh NLC1, sinh năm 1973

Trú tại: xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

+ Anh NLC2, sinh năm 1972

Trú tại: Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

+ Anh NLC3, sinh năm 1980

Trú tại: xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

Ngày 16/10/2017, chị Hà Thị K điện thoại nhờ chị T mua Lợn khoảng 40kg – 60kg để mổ bán, chị T nói với chị K giá lợn 29.000đ/ 1 kg. Chị K đồng ý.

Được chị Th giới thiệu, chị T đã mua của anh H trú tại xã M, huyện T 09 con Lợn. Chiều tối cùng ngày, chị T cùng chị Th và anh H trở 09 con lợn đến nhà chị K để bán cho chị K. Do chị K không ở nhà, nên anh R (chồng chị K) là người kiểm tra, cân và nhận 09 con lợn từ chị T. Trọng lượng 9 con = 918kg, chị T trừ gia hàng cho anh R 03kg, còn 915kg. Theo giá chị đã thỏa thuận với chị K thì số tiền anh R chị K phải trả cho chị T là $915\text{kg} \times 29.000\text{đ}/1\text{kg} = 26.535.000\text{đ}$. Hai bên thỏa thuận khi nào mổ hết lợn thì chị K anh R thanh toán tiền cho chị T. Sau khi nhận lợn, khoảng 12 ngày sau, anh R có điện thoại nhờ chị T bán chung 01 con Lợn trong số Lợn đã mua của chị. Chị T nhận $\frac{1}{2}$ con = 51kg giá 20.999đ/ 1kg thành tiền là 1.479.000đ đem đi bán.

Đến ngày 10/11/2017, chị K điện thoại cho chị T nói lợn chị T bán cho chị K bị chết. Tối cùng ngày, chị T cùng chị Th đến nhà anh R thì lợn chết đã được đem đi

chôn, chỉ còn 01 con ở trong chuồng. Từ khi mua Lợn của chị T đến nay, chị K và anh R vẫn chưa thanh toán tiền cho chị.

Nay chị T yêu cầu anh R và chị K phải trả cho chị số tiền 26.535.000đ trừ đi số tiền 1.479.000đ chị đã nhận $\frac{1}{2}$ con Lợn chị đã bán chung thì anh R chị K còn phải trả cho chị số tiền Lợn còn nợ là 25.056.000đ. Chị T không yêu cầu anh R chị K phải trả tiền lãi.

Phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Xa Văn R trình bày: Anh R thừa nhận ngày 16/10/2017, có nhận từ chị T 09 con Lợn có tổng trọng lượng là 915kg với giá 29.000đ/ 1 kg = 26.535.000đ như chị T trình bày là đúng. Việc thỏa thuận mua bán Lợn là do vợ anh với chị T, chị T mang lợn lên thì anh nhận. Khi nhận Lợn, anh R không thấy Lợn có biểu hiện bất thường nào.

Sau khi nhận Lợn của chị T, anh R chỉ mổ được 03 con trong đó: 01 con thịt bị hôi, 01 con có cục tiêm ở vai (là con Lợn chị T đã lấy $\frac{1}{2}$ đem đi bán) còn lại 06 con Lợn bị phát bệnh và chết. Về thời gian cụ thể ngày Lợn chết anh R không nhớ. Anh nhờ anh NLC1 người cùng xóm đến khiêng Lợn để bỏ 03 con vào hố bioga, thuê anh NLC2 trú tại xã M, huyện T đào hố chôn 02 con sau nhà và chôn 01 con ở bãi đất trống. Anh R đã báo trưởng khu hành chính và Thú y xã về việc lợn chết, Thú y xã đã lập biên bản và yêu cầu đem đi tiêu hủy. Vì vậy, vợ chồng anh không có tiền để trả cho chị T và chị T phải chịu trách nhiệm về việc 06 con Lợn bị chết.

Nay chị T yêu cầu anh thanh toán số tiền 25.056.000đ, anh không đồng ý. Anh R chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền của 03 con Lợn anh đã mổ, trừ số tiền 1.479.000đ chị T đã bán $\frac{1}{2}$ con còn số tiền là 7.395.000đ.

Tại phiên tòa, anh R không đồng ý trả tiền Lợn cho chị T vì chị T giao Lợn không đúng số lượng Lợn vợ chồng anh đặt mua và bán Lợn đã ủ dịch bệnh cho vợ chồng anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hà Thị K trình bày: Chị có điện thoại nhờ chị T bắt và bán cho chị khoảng 5 con Lợn, mỗi con từ 40 – 50kg, giá 29.000đ/ 1 kg.

Ngày 16/10/2017, khi chị không có ở nhà, chị T đã đem đến giao cho anh R (chồng chị) 09 con Lợn có tổng trọng lượng là 915kg. Tính theo giá trị T nói với chị thì giá tiền của 09 con Lợn là 26.535.000đ. Bình thường, nếu không có vấn đề gì thì chị sẽ thanh toán tiền mua Lợn cho chị T sau khi mổ hết Lợn. Nhưng sau hôm chị T giao Lợn, chị về nhà thấy Lợn to hơn nhiều so với Lợn chị nhờ chị T mua nên chị đã điện thoại cho chị T. Qua trao đổi, chị T nói cứ để lại và mổ chị T cùng bán chung. Vợ chồng chị đã mổ 03 con (có 01 con chị T nhận $\frac{1}{2}$ con = 51kg), còn lại 06 con Lợn bị chết. Do đó chị không có tiền để trả cho chị T.

Nay chị T yêu cầu chị thanh toán số tiền 25.056.000đ, chị không đồng ý. Vì chị T đã giao Lợn không đúng với số lượng Lợn mà chị đã đặt mua chị T và Lợn chị T giao cho chị bị dịch bệnh và chết.

Người làm chứng, anh NLC3 trình bày: Gia đình anh chăn nuôi Lợn đến kỳ xuất chồng, anh có nhờ chị Th giới thiệu người mua. Ngày 16/10/2017, anh bán cho chị T 09 con Lợn = 918 kg (ra hàng 3kg), tính 915kg. Chị T yêu cầu anh trở lên cho chị giao tại nhà anh R trú tại xã K. Thời điểm anh bán Lợn cho chị T nhà anh có 02 con Lợn nái và 10 con Lợn sữa, Lợn nhà anh khỏe mạnh, không bị dịch bệnh, không có con Lợn nào bị chết.

Anh Phùng Văn NLC1, là hàng xóm và có anh em xa của anh R chị K trình bày: Anh NLC1 không nhớ rõ là ngày nào, hôm đó anh ở nhà thì anh R gọi anh lên nhờ khênh Lợn chết đem đi chôn. Khi lên nhà anh R, anh NLC1 thấy có 03 con Lợn, mỗi con trọng lượng khoảng 100kg nằm chết trong chuồng. Lúc này trong chuồng còn 03 con Lợn còn sống. Anh cùng anh R lôi 03 con ra thả vào hố bioga nhà anh R (do đây quá nên phải xẻ thịt 01 con ra nhét vào hố bioga). Cùng ngày hôm đó, vào lúc chiều gần tối, anh R gọi anh NLC1 lên nhờ khiêng hai con Lợn đi chôn. Lúc này trong chuồng nhà anh R còn 01 con còn sống. Anh NLC1 cùng anh R khiêng Lợn ra sau nhà, anh R thuê anh NLC2 mức đất để chôn.

Anh Nguyễn Duy NLC2 trình bày: Ngày 10/11/2017, anh đang mức đất tại nhà ông Hà Văn M hàng xóm của anh R, anh R thuê anh mức đất đào hố phía sau nhà để chôn 02 con Lợn. Lúc này anh NLC2 thấy trong chuồng Lợn nhà anh R có 02 con Lợn trọng lượng mỗi con khoảng 100kg nằm chết, và 01 con yếu nằm ngoài chuồng

trọng lượng gần bằng con chết. Lúc 19 giờ 06 phút cùng ngày, anh NLC2 chôn Lợn cho anh R (việc này đã được anh ghi hình lại nên chính xác về thời gian). Đến ngày 03/12/2017, anh R tiếp tục thuê anh NLC2 đào hố chôn 01 con Lợn trọng lượng khoảng 100kg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị T. Buộc vợ chồng anh Xa Văn R và chị Hà Thị K phải trả cho chị T 25.056.000đ (hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền mua Lợn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh R chị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Xa Văn R và chị Hà Thị K phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Chị Phùng Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản với anh Xa Văn R thường trú tại xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về pháp luật nội dung: Xét hợp đồng mua bán Lợn giữa chị T với vợ chồng chị K anh R thấy rằng:

- *Về hình thức hợp đồng*: Ngày 16/10/2017, chị K điện thoại cho chị T đặt mua Lợn để mổ bán, chị T đồng ý. Giao dịch giữa chị K và chị T là giao dịch dân sự bằng lời nói, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự.

- *Về nội dung của hợp đồng*: Chị K đề nghị chị T bán cho Lợn với số lượng từ 5 – 6 con, trọng lượng mỗi con từ 40- 60kg. Chị T đồng ý, hai bên thỏa thuận giá 29.000đ/1kg. Chị T, anh R và chị K thống nhất sau khi chị K anh R mổ hết Lợn sẽ thanh toán tiền cho chị T. Giao dịch giữa chị T và chị K là Hợp đồng mua bán tài sản, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 430 và Điều 433 của Bộ luật dân sự.

Như vậy, hợp đồng mua bán Lợn giữa chị T với chị K anh R có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện những nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T, anh R, chị K đều xác nhận, anh R, chị K chưa thanh toán tiền mua Lợn cho chị T. Chị T cho rằng anh R chị K vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng đối với chị; anh R chị K cho rằng do Lợn chị T bán cho anh chị không đúng số lượng theo thỏa NLC2 và Lợn đã có dịch bệnh và bị chết 06 con nên anh chị không thanh toán tiền cho chị T.

Xét yêu cầu của chị T, chị K anh R thấy rằng:

- Về vi phạm do giao hàng không đúng số lượng theo thỏa thuận

Ngày 16/10/2017, chị T đã giao cho anh R (lúc này chị K không ở nhà) 09 con Lợn có tổng trọng lượng 918kg (sau khi ra hàng 3kg) hai bên thống nhất tính 915kg. Anh R kiểm tra chất lượng, số lượng và cân trọng lượng và nhận toàn bộ 09 con Lợn chị T giao cho đem nhốt 07 con vào chuồng, còn 02 con nhốt ra sau vườn.

Đối chiếu với thỏa thuận với chị K, chị T đã giao Lợn không đúng số lượng Lợn mỗi con từ 40 – 60kg như đã cam kết. Tuy nhiên, anh R (là chồng chị K) đã nhận, chị K đã biết việc chị T giao Lợn có trọng lượng trên 100kg mỗi con, chị K cũng đồng ý nhận số lượng Lợn như chị T giao và vợ chồng chị đã tiến hành mổ, bán.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 437 của Bộ luật dân sự quy định thì “*Trường hợp bên bán giao tài sản với số lượng nhiều hơn số lượng đã thỏa thuận thì bên mua có quyền nhận hoặc không nhận phần dôi ra; nếu nhận thì phải thanh toán phần dôi ra theo giá đã được thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

Theo quy định trên thì trong trường hợp này khi chị T giao Lợn nhiều hơn số Lợn hai bên thỏa thuận chị K và anh R có quyền không nhận Lợn, nhưng chị K và anh R đã nhận và tiến hành giết mổ bán đôi với những con Lợn chị T giao

Tại phiên tòa, chị K cho rằng sau khi về nhà thấy Lợn chị T giao to hơn nhiều so với thỏa thuận với chị, chị đã điện thoại cho chị T, giữa chị T và chị đã có thỏa thuận mới là cùng mổ Lợn để bán chung. Tuy nhiên, chị T không thừa nhận việc này. Mặt khác, khi anh R và chị K đã tiến hành giết mổ 02 con Lợn trong số Lợn chị T bán mà không gọi chị T đến nhận Lợn để bán chung; chị T chỉ đến nhận $\frac{1}{2}$ con Lợn để bán chung với anh R sau khoảng 12 ngày kể từ ngày chị giao Lợn cho anh R và do anh R điện thoại trực tiếp bảo chị lên bán cùng. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai của anh R về việc anh điện thoại bảo chị T đến bán chung Lợn với anh. Chị K cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là chị đã có thỏa thuận mới với chị T về việc mổ Lợn bán chung ngay sau khi nhận Lợn từ chị T. Như vậy, việc chị K cho rằng, ngay sau khi nhận Lợn chị và chị T đã có thỏa thuận mới là chị T cùng bán chung Lợn với vợ chồng chị là không có cơ sở được chấp nhận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định, chị K và anh R đã chấp nhận việc giao hàng không đúng số lượng của chị T và không có thỏa thuận nào mới giữa chị T và chị K anh R. Cũng theo quy định của điều luật trên thì chị K và anh R phải thanh toán đối với phần số lượng dôi ra theo giá mà hai bên đã thỏa thuận với nhau.

Do đó việc anh R chị K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho chị T theo hợp đồng vì cho rằng chị T giao Lợn không đúng số lượng cho anh chị là không có căn cứ được chấp nhận.

- Về vi phạm do không đảm bảo chất lượng vật mua bán:

Anh R và chị K cho rằng, Lợn chị T bán cho anh chị đã bị ủ bệnh dịch, không đảm bảo chất lượng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 445 của Bộ luật dân sự thì “*Bên bán phải bảo đảm giá trị sử dụng hoặc các đặc tính của vật mua; nếu sau khi mua mà bên mua phát hiện khuyết tật làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị sử dụng của vật đã mua thì phải thông báo ngay cho bên bán khi phát hiện ra khuyết tật và có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác, giảm giá và bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”. Theo quy định của điều luật thì khi anh R, chị K cho rằng chị T giao Lợn không bảo đảm chất lượng, Lợn đã bị ủ bệnh thì anh

chị phải báo ngay cho chị T yêu cầu chị T đổi, giảm giá hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nhưng anh R chị K không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc anh chị đã thông báo ngay cho chị T về việc Lợn chị T giao đã bị ủ bệnh dịch mà đến khi Lợn đã chết 05 con, anh R đã đem đi chôn mới báo cho chị T.

Việc 06 con Lợn nhà chị K anh R chết đã được những Người làm chứng do anh chị yêu cầu đã xác định như sau: Ngày 03/12/2017 có 01 con Lợn chết, anh R đã báo khu hành chính và cán bộ Thú y xã đã lập biên bản. Đối với 05 con Lợn còn lại bị chết, theo lời khai của anh Phùng Văn NLC1 và anh Nguyễn Duy NLC2 là những người làm chứng do anh R yêu cầu thì: Vào lúc 19 giờ 06 phút ngày 10/11/2017, anh NLC2 chôn 02 con Lợn cho anh R và buổi sáng cùng ngày, anh NLC1 giúp anh R vớt 03 con Lợn chết vào hồ Bioga. Như vậy, sau 24 ngày (từ ngày 16/10/2017 đến ngày 10/11/2017) kể từ ngày chị T giao Lợn cho anh R chị K, Lợn bắt đầu chết, con cuối cùng chết vào ngày 03/12/2017 (sau 01 tháng 17 ngày).

Theo anh NLC3, là người bán Lợn cho chị T thì, thời điểm anh bán Lợn, Lợn của anh khỏe mạnh, không có dịch bệnh gì; trong đàn Lợn nhà anh thời điểm này không có con Lợn nào bị chết. Địa phương anh không có dịch bệnh. Tại Biên bản xác minh ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, ông Phùng Văn Thg cán bộ Thú y xã K cung cấp thì, thời điểm Lợn nhà anh R bị chết, địa phương không có dịch bệnh trên gia súc; ngoài ngày 03/12/2017 anh không được anh R hay ai thông báo nhà anh R có Lợn bị chết. Biên bản xác minh ngày 25/01/2018 tại khu xóm Q, xã K ông Phùng Mạnh H cung cấp, ngày 03/12/2017, anh R thông báo cho ông Lợn nhà anh bị chết, ông H đã báo công an viên khu và cán bộ Thú y của xã lập biên bản. Ngoài lần này, ông không được anh R hay ai thông báo Lợn nhà anh R chết. Tại thời điểm này khu dân cư của ông không có gia đình nào bị dịch bệnh trên gia súc. Ngày 28/02/2018, Tòa án nhân dân huyện T đã có văn bản tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn về Thú y trên địa bàn huyện T về xác định nguyên nhân Lợn nhà anh R chết. Tại Văn bản số 04/CV-TTY ngày 02/3/2018 của Trạm Thú y huyện T thì căn cứ vào thời gian, biểu hiện của Lợn bị chết không có đủ căn cứ để xác định nguyên nhân gây chết ở Lợn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh R thừa nhận khi nhận Lợn từ chị T, anh đã kiểm tra Lợn không thấy có biểu hiện bất thường nào. Sau 24 ngày Lợn chị

T bán cho anh R chị K bị chết và cơ quan chuyên môn cũng không xác định được nguyên nhân Lợn bị chết. Anh R chị K không có chứng cứ gì chứng minh Lợn chị T giao cho anh R đã ủ dịch bệnh, không đảm bảo chất lượng; anh chị cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã thông báo ngay cho chị T về việc giao Lợn không đảm bảo chất lượng. Như vậy, việc anh R chị K không thanh toán tiền đối với 06 con Lợn bị chết cho chị T vì cho rằng chị T giao Lợn không bảo đảm chất lượng, đã bị ủ bệnh là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, 06 con Lợn chị T đã bán cho vợ chồng anh R, chị K chết là rủi ro; chị T, anh R, chị K đều không biết trước và không mong muốn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 441 của Bộ luật dân sự thì “*Bên bán chịu rủi ro đối với tài sản trước khi tài sản được giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Đối chiếu với quy định nêu trên thì, chị T phải chịu thiệt hại nếu Lợn chết trước khi giao cho anh R; anh R chị K phải chịu thiệt hại, rủi ro nếu Lợn chết sau khi đã nhận; chị T, anh R, chị K không có thỏa thuận khác. Do đó, việc chị K anh R yêu cầu chị T phải chịu trách nhiệm đối với 06 con Lợn bị chết là không có cơ sở được chấp nhận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu vợ chồng chị K anh R phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua Lợn theo như đã thỏa thuận với chị là phù hợp với Khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T, buộc vợ chồng chị K, anh R phải thanh toán cho chị T 25.056.000đ số tiền Lợn chị T đã bán cho chị K anh R.

Chị T không yêu cầu chị K anh R phải lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.4. Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên anh R, chị K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh R chị K phải chịu là $25.056.000đ \times 5\% = 1.252.800đ$.

2.5. Về nghĩa vụ thi hành án: Cùng với khoản tiền mà anh R chị K phải thanh toán cho chị T, khoản tiền án phí thì anh R chị K còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án. Mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 116, 117, 119, 430, 440, 441, Điều 445 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị T với anh Xa Văn R và chị Hà Thị K. Buộc vợ chồng chị Hà Thị K và anh Xa Văn R phải trả cho chị T 25.056.000đ (hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền mua Lợn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh R chị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng chị Hà Thị K, anh Xa Văn R phải nộp 1.252.800đ (một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Phùng Thị T 663.000đ (sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2016/0000741 ngày 30/11/2017 và Biên lai thu số AA/2016/0000743 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

